

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2024/DS-ST**

Ngày: 23/4/2024

*“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG – TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Tiến**

2. Ông **Phan Thanh Tòng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:** không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991. có mặt

Địa chỉ: **Tổ E, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang;**

Bị đơn: 1/ Anh **Dương Văn T1**, sinh năm 1985. Có đơn xin vắng.

2/ Chị **Đào Hồng P**, sinh năm 1992. Có đơn xin vắng.

Cùng địa chỉ: **Tổ G, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang;**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị Ngọc N**, sinh năm 1969. Địa chỉ: **Tổ G, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.** Có đơn xin vắng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:**

Vợ chồng chị P anh T1 có chơi nhiều dây hụi do chị làm chủ, sau khi hốt hụi vợ chồng anh T1 chị P chỉ đóng hụi chết được vài lần, đến tháng 3/2023 thì không đóng nữa nên còn nợ lại chị số tiền hụi là 389.199.000 đồng.

Bà N là mẹ ruột của Chị P cũng tham gia dây hụi do chị làm chủ và khi hốt hụi có đóng hụi chết được một thời gian và nợ lại số tiền hụi chết chưa đóng là 117.179.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của ấp K, xã K bà P thừa nhận có nợ chị số tiền hụi là 389.199.000 đồng và đồng ý đứng ra trả nợ cho bà N mẹ của bà 117.179.000 đồng, như vậy tổng số tiền vợ chồng chị P còn nợ chị là 506.378.000 đồng, tại buổi hòa giải chị P cam kết sẽ trả hết số nợ làm hai lần tuy nhiên không thực hiện, chị đã nhiều lần nhắc nhở vợ chồng chị P anh T1 phải trả số nợ nhưng anh chị vẫn không thực hiện, nay chị yêu cầu tòa án buộc vợ chồng chị P anh T1 phải trả hết số nợ 506.378.000 đồng.

**Bị đơn chị Đào Hồng P và anh Dương Văn T1 trình bày:**

Trước đây vợ chồng anh chị có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ hụi, anh chị tham gia chơi nhiều dây hụi và nhiều chân hụi (trong đó có hụi tháng, hụi ngày, hụi tuần...), quá trình tham gia chơi hụi anh chị có hốt hụi tổng số tiền 332.878.000 đồng và có đóng hụi chết do anh chị tự cộng là 212.000.000 đồng, tuy nhiên thời gian lâu anh chị không còn nhớ rõ tổng số tiền của từng chân hụi chết phải đóng thời điểm đóng hụi chết anh chị vẫn còn tham gia vài chân hụi sống đến nay thì tất cả các dây hụi đều đã mất.

Đối với số tiền nợ hụi chị T khởi kiện 506.378.000 đồng (trong đó nợ của vợ chồng anh chị là 389.199.000 đồng, phần mẹ chị P nợ là 117.179.000 đồng) vợ chồng chị P anh T1 thống nhất số nợ 506.378.000đ và cam kết trả tất cả khoản nợ của vợ chồng và nợ của mẹ chị P, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên anh chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngoài ra trong thời gian trả nợ nếu có điều kiện trả nhiều hơn thì sẽ thực hiện trả nhiều hơn.

**Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày:** Bà thừa nhận trước đây bà có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ hụi quá trình chơi bà có hốt hụi và đóng hụi chết và tiếp tục tham gia hụi sống đến

nay bà không nhớ rõ số tiền hụi còn nợ chị T là bao nhiêu tuy nhiên nay chị T khởi kiện bà số tiền nợ 117.179.000đ bà thống nhất, nay do bản thân bà đang phải điều trị bệnh chưa có điều kiện trả nợ nên bà đồng ý để con gái và con rể là vợ chồng chị P anh T1 trả nợ giúp bà, trường hợp sau này chị P anh T1 không trả được nợ thì bà sẽ tự trả phần nợ của bà.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Về thẩm quyền giải quyết: chị Đào Hồng p, anh Dương Văn T1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên khi có phát sinh tranh chấp vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu chị Đào Hồng P và anh Dương Văn T1 trả tiền nợ hụi theo cam kết, do vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện này là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng góp hụi” được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Các giao dịch xảy ra trong năm 2019 - 2023 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 để giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ kiện: Chị P, anh T1 thừa nhận có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ. Chị phổ anh T1 cùng mẹ chị P là bà N xác nhận đã hốt hụi nay các chân hụi đã mãn và còn nợ chị T số tiền 506.378.000đ (trong đó nợ của vợ chồng 389.199.000đ nợ của bà N 117.179.000đ) vợ chồng chị P cam kết trả tất cả khoản nợ của vợ chồng và của bà N. Chị T đồng ý cho vợ chồng chị P anh T1 trả nợ thay bà N, trường hợp chị P anh T1 không trả được nợ thì bà N có nghĩa vụ trả khoản nợ của bà 117.179.000đ cho chị T.

[4] Xét thấy chị T khởi kiện chị P anh T1, bà N số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng góp hụi 506.378.000 đồng có cung cấp được chứng cứ chứng minh là các giấy

giao tiền hụi và phía vợ chồng chị P, anh T1 và bà N cùng thừa nhận nợ số tiền 506.378.000 đồng, do vợ chồng chị P anh T1 và bà N vi phạm nghĩa vụ nên chị T khởi kiện vợ chồng chị P anh T1 và bà N yêu cầu trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 351, 352 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó buộc vợ chồng chị P, anh T1 có nghĩa vụ trả cho T số tiền 506.378.000đ (trong đó nợ của vợ chồng 389.199.000đ nợ của bà N 117.179.000đ). Trường hợp chị P anh T1 không trả được nợ thì bà N có nghĩa vụ trả số nợ của bà cho chị T 117.179.000đ.

[5] Vợ chồng chị P anh T1 cam kết trả tất cả khoản nợ của vợ chồng và của bà N là 506.378.000đ xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ việc này phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật dân sự không quy định về phương thức cũng như thời gian trả chậm nếu các bên đương sự không thoả thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét phương thức thanh toán nợ của vợ chồng chị P.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P anh T1 bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 280, 351, 352, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Buộc: Chị Đào Hồng P và anh Dương Văn T1 trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ 506.378.000đ. Trường hợp chị P anh T1 không trả được nợ thì bà Huỳnh Thị Ngọc N có trách nhiệm trả phần nợ của bà 117.179.000đ cho chị Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Đào Hồng P và anh Dương Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.255.120đ. Chị Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí

12.143.580đ theo lai thu số 0001851 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3. Báo cho nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/4/2024, chị **Đào Hồng P**, anh **Dương Văn T1**, bà **Huỳnh Thị Ngọc N** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án DS H.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thuý**